

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE	
init.	2022/12/22	New Production	VNMM-22-049	Le_Hong_Ou ang	Le_Dinh_Khe nh	Van_Xuan_Bi nh	$0.5 \leq , \leq 6$	± 0.1
							$6 < , \leq 30$	± 0.2
							$30 < , \leq 120$	± 0.3
							$120 < , \leq 400$	± 0.5
							TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-k	

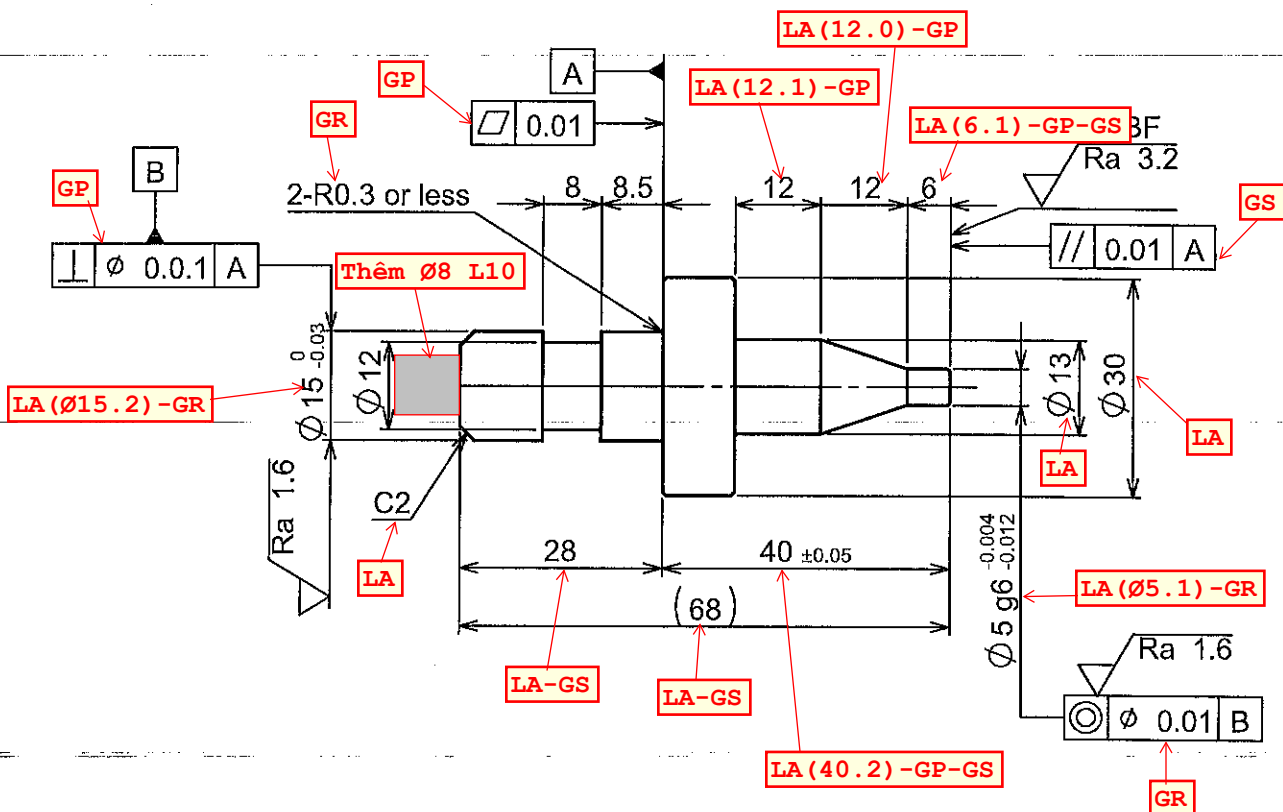
出図
製作・検取用図面
検取完了後要廃棄
2023-06-13
VDM 生産支援課

SPBF
Ra 6.3 (Ra 3.2 Ra 1.6)

FINISH MARKS

Unspecified Corner: C0.5

AF



CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Le_Anh_Tuan	SKD11		部品図 PART DRAWING	プッシュ駒 PUSH PIECE
DSGND.	SURFACE	SCALE	部品圖 部品图	推送嵌塊 推送嵌块
Van_Xuan_Binh		1:1		
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	DATE	DWG.No.
Van_Xuan_Binh	HRC 58°~62°	A4	2022/12/22	R492419

SNO: **R492419**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 Ø30*83	LA:60 HT:40 GR:40 GP:40 GS:30 AF:10 KT